

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
Phiên họp cuối năm học 2023 – 2024

Hôm nay, lúc 14 giờ 00 phút, ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại Văn phòng Trường MN Hoa Phượng Vàng

Hội đồng trường MN Hoa Phượng Vàng họp nhằm báo cáo tổng kết Hội đồng trường năm học 2023-2024, đồng thời đề ra phương hướng, bổ sung, điều chỉnh chiến lược cho năm học tới 2024-2025.

I. THÀNH PHẦN:

1. Đ/c Lê Thị Nguyên - Hiệu trưởng
2. Đ/c Mai Thị Liên
3. Đ/c Nguyễn Thị Kim Hồng - P Hiệu trưởng – Chủ tịch công đoàn
4. Đ/c Vũ Thị Thanh Thúy - P Hiệu trưởng
5. Đ/c Nguyễn Thị Lê - Khối trưởng chồi
6. Đ/c Trần Thị Loan - TT Tổ khối mầm
7. Đ/c Bùi Thị Mơ - TT Tổ khối lá
8. Đ/c Đào Thị Thúy Hằng - TT Tổ Văn phòng
9. Đ/c Bùi Thị Kim Thu – Trưởng ban thanh tra nhân dân
10. Nguyễn Thị Hồng Nghĩa – Thư ký Hội đồng trường
11. Bà Lê Thị Phương Thảo – Trưởng ban ĐDCMHS năm học 2023-2024
12. Ông Lê Văn Đoàn – p. chủ tịch UBND phường

II. NỘI DUNG:

I. Đánh giá công tác tổ chức và thực hiện năm học 2023-2024

1. Công tác tổ chức:

Thực hiện phân công nhiệm vụ theo đúng chức năng, nhiệm vụ đảm bảo việc bố trí và sử dụng đúng người đúng việc. Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho CB-GV-NV; bồi dưỡng tin học, cử CBVC tham gia đầy đủ các lớp học bồi dưỡng theo yêu cầu cấp trên, có một giáo viên tham gia lớp trung cấp lý luận chính trị hành chính.

Thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, viên chức: nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn; đề nghị bổ nhiệm chuyển ngạch lương cho 02 giáo viên; chế độ bảo hiểm, nghỉ phép; Triển khai, tổ chức và thực hiện Nghị định 98/2023 quy định Luật Thi đua – Khen thưởng

Triển khai và thực hiện qui định về chế độ làm việc của CB-GV-NV theo Thông tư 48/2011/TT-BGD&ĐT, ngày 25/10/2011 của Bộ GD&ĐT về quy định chế độ làm việc đối với giáo dục mầm non.

2. Thực hiện qui chế dân chủ:

Thực hiện quy định trong Luật Giáo dục số 43/QH14, Thông tư 11/2020/TT-BGD&ĐT, ngày 19/5/2020 của Bộ GD & ĐT hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập; Thông tư 36/2017/TT-BGD&ĐT, ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về thực hiện công khai

trong trường học thực hiện có hiệu quả các nội dung quy định trong Bộ Luật lao động, Luật Công đoàn 2012. Công văn Hướng dẫn của phòng Giáo dục & Đào tạo về việc thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của đơn vị trường học.

Xây dựng và ban hành qui định về thực hiện qui chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; Hội đồng khen thưởng - kỷ luật theo yêu cầu công việc; Hội nghị VC,NLĐ hàng năm...

Thực hiện công khai các quyền lợi có liên quan đến cán bộ, viên chức và người học; sử dụng tài sản; nâng ngạch, nâng bậc lương, chuyển chuyển điều động giáo viên; khen thưởng. Thực hiện giám sát, kiểm tra các hoạt động trong nhà trường thông qua hoạt động của Hội đồng trường, Ban thanh tra nhân dân, các hoạt động kiểm tra tài chính của ngành.

3. Về công tác quản lý, chăm sóc, giáo dục:

- 100% trẻ được tổ chức cân đo hằng quý, được khám sức khỏe và theo dõi trên biểu đồ cá thể cũng như theo dõi sổ sức khỏe các nhân trẻ. Trong năm học không để xảy ra tai nạn gì đối với trẻ ở các lớp.

- Đối với trẻ bán trú nhà trường đã tổ chức cho trẻ ăn 02 bữa/ ngày. Thực hiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Trong các năm học vừa qua không có trường hợp ngộ độc thực phẩm tại trường.

- 100% trẻ được uống nước sạch đầy đủ ở lớp và thực hiện vệ sinh cá nhân sạch sẽ.

- Tổng số trẻ được cân đo và khám theo dõi sức khỏe: 579 trẻ. Trong đó;

Cân nặng: Trẻ có cân nặng phát triển bình thường: 561 trẻ, tỷ lệ 97% .Trẻ thừa và nhẹ cân 18 trẻ, tỷ lệ: 3 %.

Chiều Cao: Trẻ có chiều cao phát triển bình thường: 571 trẻ, tỷ lệ: 98,62%; Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi: 08trẻ , tỷ lệ: 1,38% .

* Kết quả đánh giá, phân loại CBVC năm học 2023-2024

Xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 8/38 đ/c, đạt tỉ lệ 21%; tốt 30 đ/c tỉ lệ % ; Hoàn thành nhiệm vụ 01.

* Kết quả đánh giá xếp loại đơn vị : Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, tập thể lãnh đạo hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

* Kết quả thi đua khen thưởng:

- Cá nhân: LĐTT 40 người; CSTĐ cấp cơ sở đề nghị 8, Bằng khen cấp tỉnh 02;

- Tập thể: đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc.

4. Về quản lý tài chính, huy động nguồn lực cho nhà trường

a) Công tác quản lý tài chính và cơ sở vật chất

- Trong năm học 2023-2024, công tác quản lý tài chính trong nhà trường đã đạt được một số kết quả sau đây:

- Sử dụng đúng và hợp lý ngân sách được giao, đảm bảo được kinh phí cho các hoạt động thường xuyên, quản lý có hiệu quả các khoản thu chi trong

quy định, thực hiện đúng theo qui chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, chi trả lương và các chế độ khác đúng và kịp thời.

- Năm học 2023-2024 được Ban quản lý dự án đầu tư, sửa chữa nâng cấp một phần sân trường, bờ rào. Trị giá trên 1.530.000.000đ

- Tiết kiệm bằng nguồn học phí và chi thường xuyên để lại từ năm 2023-2024:

+ Mua tivi 85 in trị giá 37.330.000đ

+ Sửa sân sau cho trẻ trải nghiệm trị giá 25.550.000đ

+ Bộ Bạch tuyết và bảy chú lùn trị giá 19.800.000đ

+ Mua máy bơm nước mới thay máy cũ bị cháy 6.500.000đ

+ Mua bóng nhà banh 4.478.000đ

+ Mua bàn ghế học sinh 38.922.000đ

+ Mua bổ sung 16 quạt treo tường cho các lớp thay thế quạt bị cháy 8.400.000đ

+ Sửa chữa hệ thống đường điện chập cháy, ống nước rò rỉ 15.036.000đ

+ Sửa chữa kệ loa, bục nói, giá treo quạt công nghiệp 11.000.000đ

+ Mua thảm xốp 44.530.000đ

+ Ngoài ra hàng năm việc sơn, sửa, nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị, máy móc và các hạng mục công trình, cơ sở vật chất của nhà trường hư hỏng ... trị giá hàng chục triệu đồng

- Đưa vào sử dụng có hiệu quả trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi, thực hiện việc kiểm kê, kiểm tra định kì, quản lý bảo quản chặt chẽ.

b) Công tác huy động nguồn lực cho nhà trường:

Thực hiện các khoản thu đầu cấp, thu hàng năm để thực hiện chi theo kế hoạch ; Công tác thu chi tài chính rõ ràng, có chứng từ đầy đủ, sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí. Kế toán báo cáo thanh quyết toán kịp thời, hồ sơ sổ sách lưu trữ khoa học, đầy đủ, theo quy định.

*** Các khoản thu chi năm học 2023-2024**

1. Học phí: Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Đắk Nông.

* Tổng thu: 156.421.000 (Một trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi một ngàn đồng chẵn)

* Tổng nộp kho bạc: 156.421.000 ((Một trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi một ngàn đồng chẵn)

2. Thu, chi dịch vụ (thu hộ, chi hộ) phục vụ bán trú

2.1 Chăm sóc nuôi dưỡng:

* Tiền ăn: Thu 25.000đ/em/ngày. Trong đó. Ăn bữa chính, ăn bữa xế: 21.000đ/học sinh/ngày. (rau và thực phẩm tươi sống, đậu xanh, gạo, bún, phở, nui, rau câu, sữa chua...); Chi khác: 4.000đ (Ga, điện, nước sinh hoạt, nước rửa chén, xà bông, nước lau sàn, bao tay, giấy lau, giấy vệ sinh, khẩu trang, sát khuẩn ...)

* Tiền thuê người nấu ăn: 100.000đ/trẻ/tháng (thu theo số ngày trẻ đi học thực tế)

- Tổng thu: 512.010.000 (Năm trăm mười hai triệu không trăm mười ngàn đồng chẵn)

- Tổng chi: 512.010.000 (Năm trăm mười hai triệu không trăm mười ngàn đồng chẵn). Bao gồm 80% chi trả thù lao cho người trực tiếp nấu ăn; 20% chi quản lý hành chính, cán bộ, nhân viên liên quan

2.2. Chăm sóc giấc ngủ. 120.000đ/trẻ/tháng (thu theo số ngày trẻ đi học thực tế)

- Tổng thu: 611.439.800 (Sáu trăm mười một triệu bốn trăm ba mươi chín ngàn tám trăm đồng chẵn)

- Tổng chi: 611.439.800 (Sáu trăm mười một triệu bốn trăm ba mươi chín ngàn tám trăm đồng chẵn). Bao gồm 80% chi trả thù lao cho người trực tiếp cho người thực hiện giữ trẻ buổi trưa; 20% chi quản lý hành chính, cán bộ, nhân viên liên quan

3. Tiền trang bị đầu cấp, trang bị hàng năm

- Thu: 70.769.000đ (Bảy mươi triệu bảy trăm sáu mươi chín ngàn chẵn)

- Tồn năm học 2022-2023 chuyển qua: 11.005.000đ (Mười một triệu không trăm lẻ lăm ngàn đồng chẵn)

- Tổng thu: 81.774.000đ (Tám mươi một triệu bảy trăm bảy mươi bốn ngàn đồng chẵn)

- Tổng chi: 81.774.000đ (Tám mươi một triệu bảy trăm bảy mươi bốn ngàn đồng chẵn)

Trong đó, đã thanh toán mua nồi cơm điện; Mua bồn nước; Máy xay thịt; Làm chân bồn, trụ; Mua năng lượng mặt trời phục vụ bếp ăn bán trú cho học sinh...

4. Tiền nước uống:

- Tổng thu: 41.955.000đ (Bốn mươi một triệu chín trăm năm mươi lăm ngàn đồng chẵn)
- Tổng chi: 41.955.000đ (Bốn mươi một triệu chín trăm năm mươi lăm ngàn đồng chẵn)

5. Trang thiết bị cá nhân đối với học sinh ăn ở bán trú (khăn mặt, bàn chải đánh răng...: 30.000đ/trẻ/năm học

- Tổng thu: 17.610.000đ (Mười bảy triệu sáu trăm mười ngàn chẵn)
- Tổng chi: 17.610.000đ (Mười bảy triệu sáu trăm mười ngàn chẵn)

6. Tiền thuê người dọn nhà vệ sinh cho học sinh: 10.000đ/học sinh/tháng (theo thực tế trẻ đi học)

- Tổng thu: 52.316.000đ (Năm mươi hai triệu ba trăm mười sáu ngàn đồng)
- Tổng chi đến hết tháng 5/2024: 49.630.000đ (Bốn mươi chín triệu sáu trăm ba mươi ngàn đồng chẵn)
- Tồn: 2.686.000đ (Hai triệu sáu trăm tám mươi sáu ngàn đồng chẵn) chuyển năm học 2024-2025

* Ghế ngồi chào cờ (Trang bị đầu cấp học sinh lớp mầm)

- Tổng thu: 4.900.000đ(Bốn triệu chín trăm ngàn đồng chẵn)
- Tổng chi: 4.900.000đ(Bốn triệu chín trăm ngàn đồng chẵn)

* Tồn tại: Việc thực hiện nộp tiền qua tài khoản có một số bất cập như:

- Có khá nhiều phụ huynh nộp tiền không ghi đầy đủ thông tin, ghi sai thông tin cụ thể như: Không ghi tên lớp, tên trẻ, ghi tên trẻ nhưng sai họ, ghi tên trẻ nhưng sai lớp...

- Phụ huynh chuyển tiền chia thành nhiều đợt, dẫn đến việc tổng hợp gặp rất nhiều khó khăn; một số phụ huynh gần hết năm học mới hoàn thành các khoản...

- Một số phụ huynh nộp tiền không gửi kết quả chuyển tiền cho giáo viên dẫn đến giáo viên chuyển thêm tiền thành nhiều lần. (Bộ phận thủ quỹ, kế toán phải lập danh sách trả lại cho phụ huynh...)

- Một số học sinh đi học rồi xin nghỉ giữa chừng (nộp không đầy đủ),
- Một số trẻ chưa đóng đủ tiền học phí (theo quy định)

7. Quỹ Ban đại diện CMHS: thực hiện theo Thông tư 55/2011

- Tổng thu: 11,660,000đ (Mười một triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng)
- Tổng chi: 11,660,000đ (Mười một triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng)

Nội dung chi:

- Chi nước uống học ban đại diện trong năm học: 1.380.000đ
- Chi thăm hỏi học sinh có hoàn cảnh khó khăn: 8.780.000đ
- Tặng hoa chúc mừng nhà trường 20/11: 1.500.000đ.

Các chế độ chính sách giải quyết kịp thời, đúng đối tượng. Thực hiện đúng Thông tư 36/2017 của Bộ GD&ĐT về thực hiện công khai trong trường học (công khai chất lượng giáo dục, công khai tài chính và điều kiện chất lượng CSVC). Thực hiện nghiêm túc công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí trong nhà trường.

5. Về tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường

Hội đồng trường đã duy trì hoạt động theo phân công cụ thể, tuy công việc chồng chéo nhưng đã thực hiện được công tác giám sát.

Việc họp định kì của Hội đồng trường được tổ chức họp 1-2 lần/năm học.

II. Kế hoạch hoạt động năm học 2024-2025

1. Phát triển trường lớp

Tổng dự kiến số lớp học: 17 lớp với tổng sĩ số học sinh dự kiến 555 học sinh. Trong đó, 4 lớp mầm, 6 lớp chồi, 7 lớp lá

2. Chất lượng chăm sóc, giáo dục:

* Chỉ tiêu:

- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN đạt 100%.
- Tỷ lệ trẻ đánh giá 5 lĩnh vực giáo dục: Đối với trẻ 5 tuổi từ 80 - 86%; trẻ dưới 5 tuổi từ 70 - 80%
- Trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%
- Trẻ đến trường được đảm bảo an toàn 100% cả về thể chất và tinh thần, không xảy ra dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm trong trường.
- 100% trẻ ăn bán trú được cung cấp đầy đủ các chất dinh dưỡng theo nhu cầu và khẩu phần ăn trên lớp. Ăn hết khẩu phần, ăn ngon miệng. Năng lượng của trẻ cung cấp ở trường là 50 – 55 % nhu cầu cả ngày: 615-726 Kcal.
- 100 % trẻ được cung cấp đầy đủ nước uống, mỗi trẻ được cung cấp từ 1,6 – 2 lít nước/ trẻ/ ngày (kể cả nước trong thức ăn). 100% trẻ đi học được ngủ đúng giờ, đủ giấc. Trẻ ngủ trưa khoảng 150 p.
- 100 % trẻ được rửa tay, rửa mặt dưới vòi nước sạch, biết vệ sinh rửa tay, rửa mặt theo qui trình, trẻ 5 tuổi biết cách chải răng theo y/c. Trẻ 3 - 4; 4 - 5 tuổi được làm quen với cách đánh răng và súc miệng bằng nước muối sinh lý.
- 100 % trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và được đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới.
- Có ít nhất 95- 97% trẻ khỏe mạnh và phát triển bình thường thể nhẹ cân, 97% trẻ phát triển bình thường về chiều cao. 100% trẻ bị suy dinh dưỡng, thừa

cân, béo phì được can thiệp bằng các biện pháp phù hợp nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng của trẻ so với đầu năm.

*** Chất lượng giáo dục**

Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN đạt 100%.

3. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ CBQL và GVMN

*** Chỉ tiêu**

- Phấn đấu 100% cán bộ quản lý, giáo viên có ý thức tự học, tự rèn, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, vận dụng linh hoạt, sáng tạo các phương pháp giáo dục tiên tiến để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30 % đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

- 100% cán bộ, giáo viên, công nhân viên chấp hành nghiêm túc Chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- 100% các lớp triển khai và thực hiện công nghệ thông tin, công nghệ số, chuyển đổi số. Phấn đấu các lớp nộp tiền các khoản qua hệ thống đạt 70%;

- Có 100 % giáo viên trở lên tham gia học và biết sử dụng công nghệ thông tin. Biết sử dụng phần mềm Kitmads để hướng dẫn trẻ tham gia học tập, vui chơi trên máy, biết thiết kế bài giảng bằng POWERPOINT, soạn giáo án bằng vi tính. Thực hiện chuyển đổi số, Đăng ký tài khoản định danh điện tử...

4. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa

- Tiếp tục tuyên truyền, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2025. Thực hiện Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ về hợp tác, đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực GD và ĐT.

- Nhà trường nghiên cứu, học hỏi, áp dụng mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; Việc tiếp nhận tài trợ diễn ra ở mọi thời điểm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các cá nhân và tổ chức có lòng hảo tâm...

- Xây dựng kế hoạch phát triển GDMN trong đó ưu tiên lồng ghép các nội dung xã hội hóa; phát triển phù hợp điều kiện, mức độ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các giải pháp tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển GDMN theo hình thức đối tác công tư (PPP).

5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

- Có 100 % giáo viên trở lên tham gia học và biết sử dụng công nghệ thông tin. Biết sử dụng phần mềm Kitmads để hướng dẫn trẻ tham gia học tập, vui chơi trên máy, biết thiết kế bài giảng bằng POWERPOINT, soạn giáo án bằng vi tính.

- Triển khai quyết định 1282/QĐ-BGDĐT ngày 10/5/2022 về đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính, ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành, tuyển sinh, chăm sóc, giáo dục trẻ, công khai chất lượng giáo dục, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu ngành và dữ liệu PCGD-XMC.

- Tăng cường ứng dụng CNTT để từng bước chuyển đổi hồ sơ giấy, sang hồ sơ điện tử, hỗ trợ trong quản lý (lập kế hoạch, theo dõi, chỉ đạo, quản lý bán trú, đồ dùng, đồ chơi...) để nâng cao chất lượng quản lý trong nhà trường.

- Từng bước số hóa các nội dung giáo dục, triển khai các phương tiện trực tuyến để hướng dẫn, hỗ trợ CBQL, GV, cha mẹ trong ND, CS, GD trẻ.

6. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non

- Chủ động thông tin, tiếp tục đẩy mạnh hoạt động truyền thông, quán triệt sâu sắc các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Bộ, Sở, ngành Giáo dục và Đào tạo về đổi mới và phát triển GDMN.

- Nâng cao hiệu quả công tác truyền thông trong việc phổ biến thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về GDMN; Truyền thông về kết quả thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Đẩy mạnh việc phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ cho các bậc cha mẹ và cộng đồng bằng nhiều hình thức thông qua ngày hội, ngày lễ, các hội thi, các hoạt động trải nghiệm đối với khối lớp lá,... bảo đảm hiệu quả, phù hợp, có sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

7. Công tác thi đua khen thưởng

** Danh hiệu Cá nhân*

- Danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở: 8-10 đ/c
- Danh hiệu lao động tiên tiến phần đầu đạt trên 80%
- Bằng khen cấp tỉnh 4-6 đ/c

** Danh hiệu Tập thể*

- Trường đạt Tập thể lao động tiên tiến – Xuất sắc
- Công đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.
- Chi đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Chi bộ Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.
- Tham gia và tổ chức Hội thi “GVĐG” cấp trường, cấp thành phố; “Hội thi văn nghệ” cấp trường; hoạt động trải nghiệm của trẻ 22/12; tết và mùa xuân...
- Tham gia Hội giảng Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” cấp thành phố; cấp tỉnh. Giao lưu sinh hoạt chuyên môn cụm.

8. Các hoạt động khác:

** Công tác chỉ đạo điều hành:*

- Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025. Quy chế dân chủ, quy chế tổ chức và hoạt động. Quy chế thi đua, quy chế phối hợp, quy chế công khai và quy chế chi tiêu nội bộ; Bộ quy tắc ứng xử...

** Công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy:*

- Phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Thực hiện quy trình bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động, quy hoạch...Kiện toàn các tổ chức đoàn thể, bãi nhiệm, bổ nhiệm các chức danh: Tổ trưởng, tổ phó chuyên môn, tổ văn phòng...

** Việc cải cách tài chính công:*

- Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp theo Nghị định số:130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập: Trường thực hiện nghiêm túc và báo cáo quyết toán tài chính, đối chiếu với kho bạc hàng quý. Thực hiện việc thu, chi học phí, ngân sách theo đúng quy định. Việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, bổ sung, điều chỉnh đảm bảo đúng tình hình thực tế.

- Căn cứ theo thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ tài chính về qui định chế độ công tác phí, chế độ tổ chức các Hội nghị đối với các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Trường xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ chi tiết, cụ thể. Quy chế chi tiêu nội bộ được thông qua Hội nghị cán bộ, viên chức lấy ý kiến bổ sung và thống nhất thực hiện.

- Soạn thảo văn bản theo đúng qui định của Nghị định 30/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020. Hướng dẫn các thủ tục thanh quyết toán không chi tiền mặt, tập huấn chuyển đổi số, đăng ký tài khoản định danh điện tử...

9. Cơ sở vật chất:

Tiếp tục tham mưu có hiệu quả Đề án “Đảm bảo cơ sở vật chất thực hiện Chương trình GDMN 2018 - 2025”, đáp ứng yêu cầu duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục; Nâng cao chất lượng xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn II. Đề xuất nhu cầu thiết bị phòng cháy chữa cháy, tiết kiệm kinh phí chi thường xuyên để sửa chữa, nâng cấp sân trường phần còn lại bị hư hỏng chưa được cấp trên đầu tư sửa chữa, Sơn sửa đồ dùng, đồ chơi ngoài trời, nhà banh, sân bóng mini, sửa chữa, nâng cấp đường điện, hệ thống ống nước, sửa chữa nền gạch vỡ khu dãy nhà hiệu bộ; sửa chữa máy tính, máy kitmads, kệ, tủ, bàn ghế học sinh và những hạng mục hư hỏng nhỏ lẻ đáp ứng tiêu chuẩn CSVC quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày

26/5/2020. Thông tư 45/2021/TT- BGDDĐT, 31/12/2021 Quy định xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở GDMN; Thông tư 47/2020/TT- BGDDĐT, 31/12/2020 Quy định lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong cơ sở GDMN. Nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II.

Phát huy phong trào làm đồ dùng, đồ chơi tự tạo từ nguyên vật liệu sẵn có phù hợp với văn hóa địa phương, gắn với cuộc sống của trẻ. Rà soát đồ chơi ngoài trời, đề xuất cấp mới, huy động nguồn lực để mua sắm bổ sung đồ dùng, đồ chơi, thiết bị, tài liệu, học liệu để thực hiện Chương trình GDMN theo yêu cầu chuẩn hóa và hiện đại.

Thực hiện các chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP và Nghị quyết số 35/NQ - CP ngày 04/06/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2025.

10. Triển khai kế hoạch và Dự kiến thu chi năm học 2024-2025.

*** Học phí:**

- Thu theo quy định của Nghị quyết số 24/2023, ngày 30/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với trẻ 3-4; 4-5 tuổi;

- Năm học 2024-2025 không thu học phí đối với trẻ 5 tuổi bắt đầu thực hiện từ tháng 9/2024 theo công văn số 2914/UBND-KGVC, ngày 24/5/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông.

*** Thu, chi dịch vụ (thu hộ, chi hộ) phục vụ nhu cầu bán trú của HS**

- Chăm sóc nuôi dưỡng:

+ Tiền ăn: Thu 25.000đ/em/ngày. Trong đó. Ăn bữa chính, ăn bữa xế: (rau và thực phẩm tươi sống, đậu xanh, gạo, bún, phở, nui, rau câu, sữa chua... và Chi khác phục vụ bán trú (Ga, điện, nước sinh hoạt, nước rửa chén, xà bông, nước lau sàn, giầy lau, giấy vệ sinh...)

+ Tiền thuê người nấu ăn:

a. Mức thu: 100.000đ/học sinh /tháng.

b. Mức chi:

- 80% chi trả tiền công trực tiếp cho người nấu ăn gồm: 9 người. Trong đó, 1 bếp trưởng chi khoảng từ 11,7%; 1 bếp phó chi khoảng từ 11,5%; 7 nhân viên chi khoảng từ 76,8 %

- 20% chi trả cho công tác quản lý hành chính, cán bộ quản lý, nhân viên có liên quan. Trong đó, chi quản lý hành chính 2%; chi Hiệu trưởng 22%; Phó hiệu trưởng 36%; nhân viên kế toán, thủ quỹ 34%; Bảo vệ 6,0 %

- Chăm sóc giấc ngủ.

a. Mức thu: 120.000đ/học sinh/tháng

c. Mức chi:

- 80% chi trả cho người thực hiện nhiệm vụ cho học sinh ăn, ngủ, giữ trẻ buổi trưa (34 GV)

- 20% chi trả cho công tác quản lý hành chính, cán bộ quản lý, nhân viên có liên quan. Trong đó, chi quản lý hành chính 2%; Hiệu trưởng 22%; Phó hiệu trưởng 36%; nhân viên kế toán, thủ quỹ 34%; Bảo vệ 6,0%

Các khoản thu trên được tính bắt đầu thu từ tháng 9/2024 cho đến hết năm học. Thực hiện các khoản thu qua phần mềm Misa

* Đồ dùng bán trú:

Mức Thu: Theo Nghị quyết 06/2021/NQ- HĐND

a. Trang bị đầu cấp: 250.000đ/trẻ/năm học

b. Trang bị hàng năm: 50.000đ/trẻ/năm học

Dự kiến chi: Mua sắm đồ dùng phục vụ ăn, ở bán trú cho học sinh

Trang thiết bị cá nhân đối với học sinh ăn ở bán trú (khăn mặt, bà chải đánh răng...: phụ huynh tự trang bị cho con em mình.

Tiền thuê người vệ sinh: 10.000đ/học sinh/tháng

Ghế ngồi chào cờ phụ huynh tự trang bị cho con em mình

Quý Ban đại diện CMHS: thực hiện theo Thông tư 55/2011

Biên bản kết thúc lúc 16 giờ 30 phút, cùng ngày và đều nhất trí 100%

THƯ KÍ HĐT

**T/M HỘI ĐỒNG TRƯỞNG
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hồng Nghĩa

**Hiệu trưởng
Lê Thị Nguyên**